TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12/8/2019
V/v: *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM - TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hổ.
Bà Đỗ Thị Hồng N.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 269/2019/TLST-HNGĐ ngày 17/01/2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 86/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm: 1999.**
Địa chỉ: 546A/1 Ấp N, xã H, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc Y, sinh năm: 1987.
Địa chỉ: 1/4B, khu 1, ấp T, xã H, huyện Trảng Bom, Đồng Nai.
(chị M có mặt, anh Y vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và bản tự khai có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay nguY đơn chị Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Y tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã H cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, anh chị chung sống hạnh phúc cho đến tháng 6/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, luôn xảy ra cãi vã, bất hòa nên cũng thời gian này anh chị ly thân. Thời gian ly thân, chị đã tìm cách hàn gắn nhưng anh Y

không thay đổi. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Y.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày: 04/5/2018. Ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N và yêu cầu anh Y cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Nguyễn Quốc Y đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không có trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật, thẩm quyền, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thủ tục hòa giải, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được Tòa án thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đơn khởi kiện xin ly hôn của chị M là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị cho chị M được ly hôn với anh Y. Về con chung: Giao cháu N cho chị M nuôi dưỡng và anh Y phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự trình bày không có nên đề nghị không đặt ra xem xét. Về án phí: Chị M phải nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Nguyễn Thị Ngọc M nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Quốc Y, sinh năm: 1987, địa chỉ: 1/4B, khu 1, ấp T, xã H, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì quan hệ là *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Anh Y đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Y.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

3.1 - Về quan hệ hôn nhân:

Qua lời khai của chị M và xác minh của Tòa án thể hiện: Chị M và anh Y tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn, được UBND xã H cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11 ngày 19/01/2018 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu, anh chị chung sống hạnh phúc cho đến tháng 6/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không hợp tính nhau, luôn xảy ra cải vả, bất hòa nên cũng thời gian này hai vợ chồng ly thân, anh Y về sinh sống với gia đình tại ấp T, xã H, huyện Trảng Bom còn chị sinh sống với cha mẹ đẻ tại ấp N, xã H, huyện Trảng Bom. Thời gian ly thân chị đã tìm cách hàn gắn nhưng anh Y

không thay đổi. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Y. Đồng thời, anh Y đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do thể hiện anh không có thiện chí hòa giải, đoàn tụ. Từ những căn cứ trên, xét mâu thuẫn vợ chồng chị M với anh Y là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M yêu cầu ly hôn với anh Y là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 - Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày: 04/5/2018. Ly hôn chị M yêu cầu được nuôi con chung và yêu cầu anh Y cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng, đồng thời chị M đang sinh sống cùng cha mẹ đẻ và làm việc tại Công ty TNHH Đ, địa chỉ: Khu công nghiệp S, xã B, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai với mức thu nhập khoảng 6.000.000 đồng/tháng nên có điều kiện để nuôi dưỡng con chung, nên giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; việc nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm của anh Y và chị M nên anh Y phải cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng/tháng.

3.3 - Về tài sản chung, nợ chung: Chị M trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị M, anh Y phải chịu án sơ thẩm theo quy định.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc M được ly hôn với anh Nguyễn Quốc Y.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày: 04/5/2018 cho chị Nguyễn Thị Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Quốc Y phải đóng góp cho chị Nguyễn Thị Ngọc M tiền cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Phương N là 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày tuyên án 12/8/2019 cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của anh Nguyễn Quốc Y. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thanh toán tiền cấp dưỡng hàng tháng, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mức lãi suất chậm trả được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc M phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006553 ngày 08/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Nguyễn Thị Ngọc M đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Quốc Y phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- Thi hành án huyện Trảng Bom;
- Đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương